TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 538/2024/DS-PT
Ngày: 13-11-2024
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Nguyễn Ái Đoan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2024/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 507/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ;

Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N – chức vụ: Phó Giám đốc Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản;

Địa chỉ: Số B L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Văn bản ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ);

Người được ủy quyền lại:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H – chức vụ: Giám đốc khách hàng cá nhân (vắng mặt);

2. Ông Danh Huy H1 – chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng (có mặt);

3. Bà Lê Thị L1 – chức vụ: Chuyên viên tố tụng (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số B L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Văn bản ủy quyền số 3586/UQ-PVB ngày 17/5/2024 của Phó Giám đốc Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn*: Ông Trần Hoàng G, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Hoàng G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng Trung N trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ có cho ông Trần Hoàng G vay số tiền vốn là 400.000.000 đồng. Ngân hàng và ông G có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2472/2022/HĐTD/PVB-CN.GĐ-TTB ký ngày 05/5/2022 như sau: Khoản vay 400.000.000 đồng, ngày giải ngân 05/5/2022. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất thỏa thuận 16%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, sau khi được Ngân hàng cho vay, ông Trần Hoàng G đã không thực hiện trả nợ đúng quy định tại hợp đồng. Thời điểm trả nợ gần nhất ngày 21/04/2023 với tổng số tiền đã trả là 117.046.893 đồng (*trong đó: gốc đã trả: 66.666.670 đồng, lãi đã trả: 50.380.223 đồng)*. Kể từ đó đến nay, ông Trần Hoàng G không thực hiện thanh toán bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng.

Như vậy trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Hoàng G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó Ngân hàng đã gửi Thông báo nợ quá hạn về địa chỉ cư trú của ông G. Đồng thời Ngân hàng đã rất nhiều lần liên hệ yêu cầu ông G thực hiện nghĩa vụ nợ, tuy nhiên ông G không thực hiện.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Hoàng G thanh toán cho P tổng số tiền 422.831.557 đồng tính đến ngày 26/6/2024, trong đó: gốc: 333.333.330 đồng và lãi là 89.498.227 đồng. Buộc ông Trần Hoàng G phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 2472/2022/HĐTD/PVB-CN.GĐ-TTB ngày 05/5/2022 kể từ ngày 27/6/2024 cho đến khi ông Trần Hoàng G thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Trần Hoàng G trình bày:

Ông thừa nhận có vay nợ của Ngân hàng như phía đại diện Ngân hàng đã xác định. Do trong quá trình làm ăn ông đã nghỉ việc tại Công ty B nên không có thu nhập để thanh toán tiền vay cho Ngân hàng. Ngoài ra bản thân gia đình ông cũng đang gặp khó khăn.

Nay đề nghị Ngân hàng xem xét cho ông được trả tiền nợ gốc và giảm trừ số tiền lãi. Ông sẽ trả theo định kỳ 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Lê Thị L1 là đại diện được ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu ông Trần Hoàng G phải trả cho Ngân hàng số tiền là 333.333.330 đồng tiền vốn vay, tiền lãi tính đến ngày hôm nay 29/7/2024 là 96.037.726 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 429.371.056 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đến khi trả xong nợ.

Ông Trần Hoàng G yêu cầu được trả tiền nợ gốc và giảm trừ số tiền lãi. Ông sẽ trả theo định kỳ 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2024/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

- Buộc ông Trần Hoàng G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền vốn vay còn nợ là 333.333.330 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 29/7/2024 là 96.037.726 đồng. Tổng cộng là 429.371.056 đồng. Thực hiện nghĩa vụ trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trần Hoàng G phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc, kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2472/2022/HĐTD/PVB-CN.GĐ-TTB ngày 05/5/2022 do ông Trần Hoàng G ký vay.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 13/8/2024, bị đơn ông Trần Hoàng G có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Ông G xin trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông G kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ nhưng không được phía Ngân hàng đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận. Về án phí: Ông G là con liệt sĩ và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông G. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông G, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho ông G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần Hoàng G nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hoàng G, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đ), ông Trần Hoàng G có ký Hợp đồng tín dụng số 2472/2022/HĐTD/PVB-CN.GĐ-TTB ngày 05/5/2022 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 2472) với Ngân hàng để vay tiền, cụ thể như sau:

Số tiền vốn vay: 400.000.000 đồng;

Ngày giải ngân: 05/5/2022;

Thời hạn vay: 60 tháng;

Lãi suất thỏa thuận: từ ngày 05/5/2022 đến ngày 04/8/2022 lãi suất 16%/năm, từ ngày 05/8/2022 lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng LSCS + 7%/năm;

Mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng;

Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi: ngày 30 hàng tháng, ngày trả nợ đầu tiên: 30/5/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo Ngân hàng Đ, ông G đã thanh toán được 117.046.893 đồng (bao gồm 66.666.670 đồng tiền gốc và 50.380.223 đồng tiền lãi), kể từ ngày 21/04/2023 thì ông G không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Do ông G vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã gửi Thông báo nợ quá hạn về địa chỉ cư trú của ông G, đồng thời Ngân hàng đã rất nhiều lần liên hệ yêu cầu ông G thực hiện nghĩa vụ nợ nhưng ông G không thực hiện. Do đó, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Hoàng G thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 429.371.056 đồng (bao gồm 333.333.330 đồng tiền vốn và 96.037.726 đồng tiền lãi) tính đến ngày

29/7/2024; đồng thời buộc ông G phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo hợp đồng kể từ 29/7/2024 cho đến khi ông G thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Ông Trần Hoàng G thừa nhận ông có vay tiền tại Ngân hàng Đ theo Hợp đồng số 2472 và chỉ mới thanh toán được 117.046.893 đồng, Ngân hàng Đ có gửi thư về nhà ông và đến nơi làm việc mới của ông nhiều lần để yêu cầu ông thanh toán khoản nợ còn lại nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông vẫn chưa hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đúng hạn, nay ông xin được trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ (bút lục 61).

Qua xem xét nội dung, hình thức Hợp đồng số 2472 và lời thừa nhận của ông Trần Hoàng G, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông G với Ngân hàng Đ đã được xác lập hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay là phù hợp quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Mặc dù Hợp đồng số 2472 vẫn chưa hết hạn cho vay, nhưng do ông G vi phạm nghĩa vụ của bên vay đối với bên cho vay về số tiền trả nợ và thời gian trả nợ; đồng thời Ngân hàng cũng đã có thông báo về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông G phải trả cho Ngân hàng Đ tổng số tiền 429.371.056 đồng (bao gồm 333.333.330 đồng tiền vốn và 96.037.726 đồng tiền lãi) tính đến ngày 29/7/2024 là phù hợp quy định pháp luật tại các điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1.

[2.2] Về việc ông G xin trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Xét thấy, ông G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng; đại diện Ngân hàng cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của ông G. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông G trả toàn bộ nợ gốc và lãi theo thời gian mà Ngân hàng yêu cầu là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông G trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là tước bỏ quyền thỏa thuận thi hành án của các bên trong giai đoạn thi hành án, chưa phù hợp quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; do đó cần điều chỉnh cho phù hợp.

[2.3] Giai đoạn phúc thẩm, ông G cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến tình trạng sức khỏe của vợ ông. Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ này không chứng minh được hoàn cảnh của ông thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan hướng dẫn tại khoản 1 Điều 156 Bộ luật Dân sự dẫn đến không thể trả nợ theo thỏa thuận. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Xét thấy ông G là con liệt sĩ (được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T xác nhận ngày 14/8/2024 tại Đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí ngày 13/8/2024) và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, ông G được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hoàng G.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2024/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Buộc ông Trần Hoàng G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền vốn vay còn nợ là 333.333.330 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 29/7/2024 là 96.037.726 đồng, tổng cộng là 429.371.056 đồng.

Ông Trần Hoàng G phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc, kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2472/2022/HĐTD/PVB-CN.GĐ-TTB ngày 05/5/2022 do ông Trần Hoàng G ký vay.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Hoàng G.

H2 lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.269.000 đồng theo biên lai thu số 0003426 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Hoàng G. H2 lại cho ông G 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai số 0003511 ngày 13/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong